

Số: 2971/SoNNMT-CCPTNT

Đồng Nai, ngày 21 tháng 8 năm 2025

V/v hướng dẫn kế hoạch gieo trồng vụ
Mùa năm 2025

Kính gửi:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai;
- Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn;
- Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh;
- Trưởng phòng Khoáng sản và Thủy lợi.

Căn cứ Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thời hạn mùa tỉnh Đồng Nai tại Văn bản số KTHM-04/17h00/DNAI ngày 15/8/2025 của Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Đồng Nai; để đảm bảo sản xuất bền vững, an toàn và hiệu quả, hạn chế thiệt hại do thiên tai và sâu bệnh gây ra, Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kế hoạch gieo trồng vụ Mùa năm 2025 như sau:

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ MÙA 2025

Vụ Mùa năm 2025, dự kiến toàn tỉnh gieo trồng 65.074 ha, trong đó:

- Nhóm cây lương thực: diện tích gieo trồng 38.730 ha, trong đó lúa 24.730 ha, bắp 14.000 ha.
- Nhóm cây có bột, củ: diện tích gieo trồng 9.394 ha, trong đó khoai mì 8.900 ha.
- Nhóm cây công nghiệp hàng năm: diện tích gieo trồng 1.146 ha, trong đó mía 260 ha, thuốc lá 250 ha, cây có hạt chứa dầu 536 ha..
- Nhóm cây thực phẩm: diện tích gieo trồng 9.150 ha, trong đó rau các loại 7.750 ha, đậu các loại 1.400 ha.
- Nhóm hoa các loại: diện tích gieo trồng 94 ha
- Cây hàng năm khác: diện tích gieo trồng 6.560 ha.

(Phụ lục đính kèm)

II. BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Đối với các xã, phường

Đề nghị Chủ tịch UBND các xã, phường chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hướng dẫn nông dân thu hoạch cây trồng vụ Hè Thu, tổ chức tốt dịch vụ phơi sấy, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch; phối hợp với các đơn vị thuộc ngành Nông nghiệp chủ động triển khai thực hiện kế hoạch tập huấn, hội thảo, xây dựng các mô hình thâm canh, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới; phòng chống sinh vật gây hại tổng hợp ... giúp nông dân gieo trồng vụ Mùa 2025 đạt kết quả. Cụ thể:

a) Thời vụ: Các địa phương căn cứ điều kiện cụ thể hướng dẫn nông dân trồng gối vụ Mùa đối với một số diện tích cây trồng vụ Hè Thu chưa đến kỳ thu hoạch để tranh thủ thời gian, đảm bảo thời vụ (bắp, cây công nghiệp ngắn ngày), thời vụ xuống giống lúa tập trung từ tháng 9 đến tháng 10/2025. Thời điểm xuống giống cụ thể căn cứ tình hình thực tế, theo dõi diễn biến của lũ, bão và tình hình thu hoạch lúa Hè Thu ở địa phương để hướng dẫn người dân thực hiện. Việc gieo sạ theo hướng tập trung dứt điểm theo từng khu vực, cánh đồng, né rầy, không để trên cùng cánh đồng, khu vực có nhiều trà lúa khác nhau làm ảnh hưởng đến công tác phòng chống sinh vật gây hại, đặc biệt là rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá.

b) Cơ cấu giống:

- Giống lúa: tập trung phát triển các giống lúa gạo trắng, hạt dài: Đài thơm 8, OM 5451, OM 6976, OM 4900, OM 7347, OM 4218, jasmine 85, ... tỉ lệ 55-60%. Nhóm giống thơm đặc sản: ST 24, ST 25, RVT, Nàng Hoa 9, VD 20... tỉ lệ 15 - 20%. Nhóm giống lúa nếp IR 4625, nếp Bè.. tỉ lệ <10%. Nhóm giống chất lượng trung bình có thể duy trì tỉ lệ <15% trong cơ cấu giống.

- Giống bắp: sử dụng các giống như: NK67, NK 67 Bt/GT, NK66 Bt/GT, NK4300 Bt/GT, NK 7328, NK 7328 Bt/GT, NK6101, NK6101 BGT, NK6275, CP 311, CP 511, CP 501S, 8282S, DK6818S, DK6919S, DK9955S, ... những vùng bị nhiễm sâu keo mùa thu ở vụ trước nên sử dụng các giống biến đổi gen để giảm thiệt hại.

- Đậu nành: sử dụng các giống như: HL 203, HL 07-15, HL ĐN 29, HL ĐN 25.

- Đậu xanh: sử dụng các giống như: HL 89-E3, V 87-13, V 94-208, V 91-15, HL 115, HL ĐX 6, HL ĐX 7 và HL ĐX 10.

- Cây mè: không trồng các giống mè bị bệnh khảm lá virus nặng (HL-S11, KM 419), trong đó nghiêm cấm mua bán, trồng giống mè HL-S11; sử dụng các giống ít nhiễm bệnh như KM 60, KM 101, KM 140, KM 98-5, KM 98-1, HN 3, HN1, HN 5.

- Cây mía: sử dụng các giống như LK 92-11; K 2000-89; K 95-84; K 99- 72; Khonkean 3; K 94-2-483; K 95-156; Suphanburi 7, ...

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị liên quan thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng về các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây trồng; khuyến cáo người dân mua giống cây trồng tại các cơ sở buôn bán có đăng ký kinh doanh, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

c) Giải pháp quản lý một số sinh vật gây hại trên cây trồng

- Cây lúa: Khuyến cáo nông dân vệ sinh đồng ruộng sau khi thu hoạch, cày ải đảm bảo thời gian cách ly nguồn bệnh; theo dõi tình hình khí tượng thủy văn để xác định lịch cụ thể gieo sạ cho từng vùng, tiểu vùng nhằm đảm bảo xuống giống lúa Mùa 2025 theo hướng tập trung, né rầy hạn chế thấp nhất rầy nâu mang mầm bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá truyền bệnh cho cây lúa non và ảnh hưởng bất lợi của thời tiết

phải sạ đi sạ lại nhiều lần.

- Cây bắp: Tăng cường công tác điều tra, chủ động các biện pháp phòng trừ sâu keo mùa thu, áp dụng quy trình kỹ thuật phòng chống sâu keo mùa thu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (ban hành theo Quyết định số 218/QĐ- BNNBVTV ngày 16/01/2020); thực hiện Chỉ thị số 4962/CT-BNN-BTVT ngày 15/7/2019 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phòng chống sâu keo mùa thu;

- Cây sắn: Tiếp tục tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn; thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 và Công văn số 383/BNN-BVTV ngày 21/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn; Văn bản số 1772/BVTV-TV ngày 08/8/2024 của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ban hành Quy trình kỹ thuật quản lý tổng hợp bệnh khảm lá sắn.

- Nhóm cây công nghiệp: Tiếp tục theo dõi và chủ động phòng chống sinh vật gây hại như: tuyến trùng rễ, bệnh chết nhanh, bệnh chết chậm... trên cây hồ tiêu; bọ xít muỗi, bệnh thán thư... hại cây điều...

- Nhóm cây ăn quả: Chăm sóc, bón phân đầy đủ, theo dõi chặt chẽ diễn biến của thời tiết, ưu tiên quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) để nhằm giảm thiểu những tác động gây bất lợi cho cây trồng và phát huy các yếu tố nội tại của cây trồng, ngăn chặn sự bùng phát của sinh vật gây hại, đồng thời nâng cao giá trị sản phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học. Tiếp tục theo dõi tình hình sinh vật gây hại để có biện pháp xử lý kịp thời. Đối với bệnh Greening gây hại trên cây có múi tiến hành xử lý, tiêu hủy những cây bị bệnh Greening nặng, tránh lây lan.

d) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng

- Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tỉnh Đồng Nai (cũ) năm 2025; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại địa bàn các xã, phường, thị trấn; kịp thời xử lý các trường hợp thực hiện chưa đúng theo kế hoạch chuyển đổi và các trường hợp chuyển đổi chưa đúng theo quy định, chịu trách nhiệm trong việc đề xảy ra tình trạng chuyển mục đích sử dụng trái phép trên đất trồng lúa.

- Thực hiện thủ tục hành chính về chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

- Thực hiện tiếp nhận, xử lý Bản đăng ký chuyển đổi; lập sổ theo dõi chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa đảm bảo các yêu cầu không làm mất đi các

điều kiện để trồng lúa trở lại; không làm biến dạng mặt bằng, không gây ô nhiễm, thoái hóa đất trồng lúa; không làm hư hỏng công trình giao thông, công trình thủy lợi phục vụ trồng lúa; trường hợp chuyển trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, được sử dụng tối đa 20% diện tích đất trồng lúa để hạ thấp mặt bằng nuôi trồng thủy sản với độ sâu không quá 120 cm so với mặt ruộng.

đ) Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Đồng Nai về quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Đồng Nai; triển khai thực hiện kế hoạch nhân rộng các mô hình có hiệu quả trên địa bàn đúng tiến độ. Đối với các địa phương đăng ký kế hoạch tham gia xây dựng chuỗi liên kết tiêu thụ nông sản, phối hợp với các đơn vị, cơ quan liên quan tổ chức triển khai tuyên truyền từ đầu vụ về quy trình sản xuất, phòng trừ sâu bệnh, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ghi chép sổ tay theo đúng quy định.

e) Chế độ báo cáo

Thực hiện quy chế phối hợp và chế độ thông tin báo cáo, định kỳ hàng tuần, tháng, quý, 9 tháng, vụ, năm; báo cáo tiến độ gieo trồng, sản xuất trồng trọt; công tác phòng chống sinh vật hại thực vật; báo cáo thực hiện thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

g) Tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện các quy định về thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng trên địa bàn theo Thông tư số 12/2021/TTBNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác và Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí.

h) Thủy lợi

- Phối hợp chặt chẽ với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh theo dõi diễn biến tình hình thời tiết, nguồn nước tại các sông, suối và công trình thủy lợi, kịp thời chỉ đạo sản xuất đảm bảo theo kế hoạch.

- Thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Chỉ thị số 02/CT-BNNMT ngày 08/5/2025; chỉ đạo của Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi tại Văn bản số 135/TL-ATĐ ngày 27/3/2025, chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 5974/UBND-KTN ngày 19/5/2025; hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản: số 944/SNNMT-TL ngày 28/3/2025, số 3480/SNNMT-TL ngày 21/5/2025,... về việc tăng cường công tác đảm bảo an toàn công trình thủy lợi, đề điều trong mùa mưa, lũ năm 2025.

- Thường xuyên kiểm tra các công trình thủy lợi do địa phương, đơn vị quản lý, kịp thời duy tu, bảo dưỡng sửa chữa các hạng mục công trình bị hư hỏng; kiểm tra, khơi thông dòng chảy thượng, hạ lưu các đập dâng, hệ thống kênh mương, bờ bao thủy lợi, các hệ thống tiêu thoát lũ để đảm bảo thoát nước trong mùa mưa. Đối với các đập dâng, phải mở toàn bộ các cửa van của đập để thoát lũ, riêng các đập dâng đang phục vụ sản xuất phải điều tiết hợp lý và bố trí người trực thường xuyên tại công trình, sau khi tưới phải mở ngay tất cả các cửa van để đảm bảo thoát lũ, an

toàn cho công trình và không gây ngập lụt cho khu vực thượng lưu đập.

- Các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi rà soát, thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về thủy lợi, đặc biệt đối với các công trình hồ chứa, đập dâng nước để đảm bảo vận hành an toàn công trình và vùng hạ du.

2. Đề nghị Công ty TNHH MTV thủy lợi Đồng Nai

- Phối hợp chặt chẽ với các địa phương xây dựng và công khai kế hoạch tưới, tiêu cụ thể, đồng thời tích cực vận động, khuyến cáo người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, dịch chuyển thời vụ tại khu vực có khó khăn về nguồn nước.

- Tổ chức kiểm tra, sửa chữa kịp thời các hạng mục công trình thủy lợi bị hư hỏng, đảm bảo an toàn trong và sau mùa mưa lũ năm 2025 và vận hành bình thường phục vụ sản xuất.

- Rà soát, thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về thủy lợi, đặc biệt đối với các công trình hồ chứa, đập dâng nước để đảm bảo vận hành an toàn công trình và vùng hạ du.

3. Đối với các đơn vị trực thuộc Sở

Giám đốc, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tăng cường phối hợp với các ngành liên quan, các đoàn thể, các địa phương hướng dẫn gieo trồng vụ Mùa 2025 đạt kết quả tốt cả về chỉ tiêu kế hoạch và năng suất, cụ thể:

a) Chi cục Phát triển nông thôn

- Triển khai hướng dẫn các biện pháp chăm sóc cây trồng, phòng chống sinh vật hại và dự tính dự báo sinh vật hại trong vụ Mùa 2025. Hướng dẫn nông dân thực hiện đúng theo kỹ thuật canh tác cho từng loại cây trồng, tập trung tuyên truyền, hướng dẫn nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên các diện tích trồng lúa có thể chuyển đổi được để tăng hiệu quả sản xuất.

- Khuyến khích sản xuất và sử dụng phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, phân bón sinh học nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón, giảm lượng phân bón hóa học.

- Tăng cường công tác dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các đối tượng cây công trồng. Thông tin dự tính dự báo, dự tính cần được cập nhật thường xuyên và có hướng dẫn kịp thời tới người sản xuất.

- Hỗ trợ phát triển giống cây trồng, hướng dẫn các địa phương đăng ký bình tuyển cây đầu dòng và chứng nhận cây đầu dòng. Xác định cơ cấu giống lúa được xây dựng cho từng vùng sinh thái trồng lúa theo nhu cầu thị trường để hướng dẫn nông dân sử dụng, chấm dứt tình trạng sử dụng quá nhiều giống lúa ở mỗi địa phương.

- Phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan thực hiện công tác chọn, tạo, phục tráng, áp dụng các quy trình công nghệ sản xuất giống tiên tiến, góp phần nâng cao tỷ lệ sử dụng giống cây trồng chất lượng, đúng tiêu chuẩn.

- Tiếp tục xây dựng mã số vùng trồng, mã số nhà đóng gói để phục vụ xuất

khẩu. Hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên một số cây trồng có tiềm năng xuất khẩu; phối hợp với các đơn vị, địa phương triển khai công tác quản lý nhà nước về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo thẩm quyền.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh theo dõi diễn biến tình hình thời tiết, nguồn nước tại các sông, suối và công trình thủy lợi, thông tin kịp thời đến địa phương để chỉ đạo sản xuất được thuận lợi, kịp thời, hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa theo Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản, xây dựng chuỗi giá trị chế biến đến tiêu thụ. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch để nâng cao giá trị, dinh dưỡng, đa dạng hóa các mặt hàng lương thực, thực phẩm phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và xuất khẩu.

- Phối hợp các địa phương theo dõi đánh giá các chuỗi liên kết đã được UBND tỉnh phê duyệt đang triển khai trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ các chủ dự án giải quyết khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Tổ chức kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân để xúc tiến liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực nhất là đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn, đáp ứng yêu cầu phát triển nền nông nghiệp hiện đại; đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, công nhân nông nghiệp đủ năng lực tiếp thu, vận hành, chuyển giao công nghệ mới. Vận dụng các chính sách chính sách đã ban hành hỗ trợ phát triển những cánh đồng cơ giới hóa đồng bộ liên kết với tiêu thụ và phát triển trên diện rộng các mô hình tự động hóa trong sản xuất lúa.

- Phối hợp Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh hướng dẫn chuyển giao cho nông dân áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất, thúc đẩy chế biến sâu, đa dạng các loại gạo và sản phẩm chế biến từ gạo; khai thác tối đa các phụ phẩm sau thu hoạch để nâng cao giá trị gia tăng.

b) Phòng Khoáng sản và Thủy lợi

- Phối hợp với các địa phương và đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh trong mùa mưa lũ, qua đó tham mưu, đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện các biện pháp để đảm bảo an toàn công trình phục vụ sản xuất.

- Tổ chức kiểm tra các công trình thủy lợi trong và sau mùa mưa lũ, tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo các đơn vị quản lý công trình kịp thời duy tu, bảo dưỡng sửa chữa các hạng mục công trình bị hư hỏng, khơi thông dòng chảy thượng, hạ lưu các đập dâng, hệ thống kênh mương, bờ bao thủy lợi, các hệ

thống tiêu thoát lũ để đảm bảo thoát nước trong mùa mưa. Thực hiện nhiệm vụ Văn phòng thường trực Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo yêu cầu của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

c) Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh

- Tăng cường công tác tuyên truyền hướng dẫn nông dân thực hiện đúng quy trình kỹ thuật canh tác cho từng loại cây trồng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa để tăng hiệu quả sản xuất.

- Tổ chức triển khai, nhân rộng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật áp dụng vào lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật phục vụ nhu cầu sản xuất, tư vấn xây dựng các dự án liên kết thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị UBND các xã, phường quan tâm phối hợp chặt chẽ với ngành nông nghiệp, các đoàn thể hướng dẫn nông dân hoàn thành kế hoạch sản xuất vụ Mùa 2025. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về Sở để được hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Trồng trọt và BVTV;
- TT. Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Cục Thống kê;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Báo và PTTH Đồng Nai;
- UBND các xã, phường;
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Văn phòng Sở;
- Trung tâm CNTT (đăng tải Trang thông tin điện tử);
- Lưu: VT, CCPTNT (Binh).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thị Ánh Tuyết

Phụ lục

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ MÙA NĂM 2025

(Kèm thêm Văn bản số /SoNNMT-CCPTNT ngày /8/2025)

Stt	Loại cây hàng năm	Đơn vị tính	KẾT QUẢ VỤ MÙA 2024			KẾ HOẠCH VỤ MÙA 2025	SO SÁNH (%)
			Đồng Nai (cũ)	Bình Phước	Đồng Nai (mới)		
A	B	C	1	2	3	4	5=4/3
	TỔNG DT GIEO TRỒNG	Ha	45.413,5	19.493,8	64.907,3	65.074,1	100,3
I	Cây lương thực có hạt	Ha	28.769,5	9.959,1	38.728,6	38.730,0	100,0
1	Lúa						
	Diện tích	Ha	16.830,1	7.893,7	24.723,8	24.730,0	100,0
	Năng suất	Tạ/ha	58,3	41,3	52,9	53,0	100,2
	Sản lượng	Tấn	98.202,0	32.608,4	130.810,4	131.069,0	100,2
2	Bắp						
	Diện tích	Ha	11.939,4	2.065,5	14.004,9	14.000,0	100,0
	Năng suất	Tạ/ha	79,1	36,8	72,9	73,0	100,2
	Sản lượng	Tấn	94.474,1	7.595,1	102.069,2	102.200,0	100,1
II	Cây lấy củ có chất bột	Ha	4.013,6	5.365,1	9.378,7	9.394,0	100,2
1	Khoai mì						
	Diện tích	Ha	3.698,4	5.189,8	8.888,2	8.900,0	100,1
	Năng suất	Tạ/ha	307,4	219,2	255,9	256,0	100,0
	Sản lượng	Tấn	113.677,8	113.754,8	227.432,5	227.840,0	100,2
2	Khoai lang						
	Diện tích	Ha	104,1	129,3	233,3	234,0	100,3
	Năng suất	Tạ/ha	227,6	66,7	138,4	139,0	100,4
	Sản lượng	Tấn	2.367,7	862,4	3.230,0	3.252,6	100,7
3	Cây lấy củ có chất bột khác		211,2	46,0	257,2	260,0	101,1
III	Cây công nghiệp hàng năm	Ha	731,2	307,5	1.038,7	1.146,1	110,3
1	Mía						
	Diện tích	Ha	117,9	127,4	245,3	260,0	106,0

	Năng suất	Tạ/ha	659,3	262,2	453,1	454,0	100,2
	Sản lượng	Tấn	7.773,5	3.338,6	11.112,1	11.804,0	106,2
2	Thuốc lá						
	Diện tích	Ha	237,4		237,4	250,0	105,3
	Năng suất	Tạ/ha	18,5		18,5	18,6	100,3
	Sản lượng	Tấn	440,1		440,1	465,0	105,6
3	Đay						
	Diện tích	Ha		100,0	100,0	100,0	100,0
	Năng suất	Tạ/ha		30,0	30,0	30,0	100,0
	Sản lượng	Tấn		300,0	300,0	300,0	100,0
4	Cây có hạt chứa dầu	Ha	375,9	80,1	456,0	536,1	117,6
4.1	Đậu nành						
	Diện tích	Ha	79,7	4,7	84,4	85,0	100,7
	Năng suất	Tạ/ha	12,6	8,1	12,4	12,4	100,2
	Sản lượng	Tấn	100,7	3,8	104,5	105,4	100,9
4.2	Đậu phộng						
	Diện tích	Ha	282,9	69,7	352,6	360,0	102,1
	Năng suất	Tạ/ha	19,7	9,7	17,7	17,8	100,4
	Sản lượng	Tấn	557,9	67,5	625,4	640,8	102,5
4.3	Mè						
	Diện tích	Ha	11,3	5,7	17,0	17,0	100,0
	Năng suất	Tạ/ha	12,6	6,6	10,6	10,6	100,3
	Sản lượng	Tấn	14,2	3,8	18,0	18,0	100,2
IV	Cây thực phẩm	Ha	7.498,5	1.611,9	9.110,4	9.150,0	100,4
1	Rau các loại	Ha					
	Diện tích	Ha	6.235,6	1.482,3	7.717,9	7.750,0	100,4
	Năng suất	Tạ/ha	184,4	80,3	164,4	164,6	100,1
	Sản lượng	Tấn	115.000,7	11.904,3	126.905,0	127.565,0	100,5
2	Đậu các loại	Ha					
	Diện tích	Ha	1.262,9	129,6	1.392,5	1.400,0	100,5
	Năng suất	Tạ/ha	14,4	8,0	13,8	13,9	100,5
	Sản lượng	Tấn	1.822,2	103,1	1.925,2	1.946,0	101,1
V	Hoa các loại	Ha	73,5	20,0	93,5	94,0	100,5
VI	Cây hàng năm khác	Ha	4.327,1	2.230,2	6.557,4	6.560,0	100,0